

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

BỘ MÔN LUẬT

PGS. NGUYỄN HỮU VIỆN

# LUẬT KINH TẾ

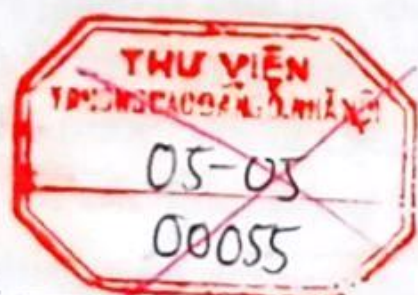


NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI 2000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

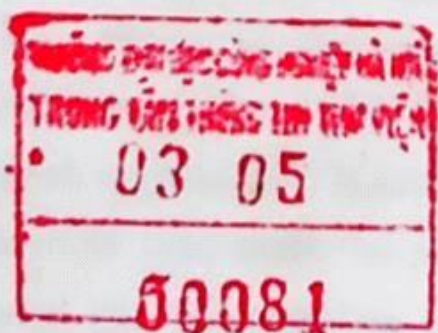
BỘ MÔN LUẬT

PGS. NGUYỄN HỮU VIỆN



# LUẬT KINH TẾ

*Biên soạn theo chương trình môn học Luật kinh tế  
giảng ở trường Đại học kinh tế quốc dân*



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI 2000

## CHƯƠNG 1

# ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Pháp luật kinh tế, trước hết bao gồm các chế định pháp luật xác định địa vị pháp lý của hai loại chủ thể của nó: doanh nghiệp với tư cách là người trực tiếp hoạt động kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước, với tư cách là người thực hiện chức năng quản lý đối với các hoạt động kinh doanh đó.

Chương này nghiên cứu địa vị pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - chủ thể quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của xã hội.

### 1. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - CHỦ THỂ CAO NHẤT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ.

Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động của Nhà nước lên các quan hệ kinh tế nhằm bảo đảm cho các quan hệ đó phát triển theo đúng những mục tiêu đã định trước, phòng ngừa và ngăn chặn những khuynh hướng lệch lạc trong hoạt động kinh tế xã hội. Quản lý nhà nước về kinh tế được thực hiện trước hết bởi bộ máy nhà nước. Do đó, bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chủ thể cao nhất, tập trung nhất của quản lý nhà nước về kinh tế.

#### 1.1. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Bộ máy nhà nước ta là hệ thống cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, tổ chức và hoạt động theo những nguyên

tác thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước. Nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước là những tư tưởng chỉ đạo bắt nguồn từ bản chất của Nhà nước làm cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Các nguyên tắc đó được ghi trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

*Nguyên tắc Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước.*

Do thành quả đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành Đảng cầm quyền và điều đó đã qui định đặc trưng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp năm 1992 đã xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (điều 4). Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước đi theo đúng đường lối chính trị đúng đắn, thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững bản chất tốt đẹp của Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở chỗ Đảng định ra đường lối, chính sách, chủ trương cụ thể quan trọng, có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng lớn đến việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức quản lý, điều hành việc thực hiện. Đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, coi trọng việc bố trí

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I

### ĐỊA LÝ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ 3

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - chủ thể cao nhất của quản lý nhà nước về kinh tế. 3
2. Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và địa vị pháp lý của nó. 14
3. Văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước về kinh tế. 24

## CHƯƠNG II

### PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP 43

1. Quy chế pháp lý chung về doanh nghiệp. 43
2. Doanh nghiệp tư nhân. 58
3. Công ty. 60
4. Doanh nghiệp nhà nước. 71
5. Hợp tác xã. 85
6. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. 90
7. Các hình thức tổ chức kinh doanh khác. 100

**CHƯƠNG III**  
**HỢP ĐỒNG KINH TẾ** 103

1. Những vấn đề chung. 103
2. Chế độ ký kết hợp đồng kinh tế. 116
- 3. Thực hiện hợp đồng kinh tế. 124
4. Trách nhiệm pháp lý trong hợp đồng. 134
5. Chế độ pháp lý về hợp đồng kinh tế theo chỉ tiêu pháp lệnh. 141

**CHƯƠNG IV**  
**QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**  
**TRONG KINH DOANH** 146

1. Khái niệm về luật lao động. 146
2. Hợp đồng lao động. 150
3. Thoả ước lao động tập thể. 159
4. Tiền lương. 160
5. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi. 167
6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất. 172
7. Bảo hiểm xã hội. 180
8. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động. 188

## CHƯƠNG V

### GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP KINH TẾ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP 206

1. Tranh chấp kinh tế và các phương thức giải quyết  
tranh chấp kinh tế. 206
  2. Giải quyết tranh chấp kinh tế bằng trọng tài. 209
  3. Giải quyết các vụ án kinh tế theo trình tự tòa án. 216
  4. Giải quyết việc phá sản doanh nghiệp. 235
- Phụ lục 246